

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2023/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án phải chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 2331/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Tờ trình số 2533/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án, công trình phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất và danh mục dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa dưới 10 héc ta, đất

rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh là 97 dự án, với tổng diện tích 172,06 héc ta (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 84,32 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 2,50 héc ta và diện tích các loại đất khác 85,24 héc ta), chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

- Thành phố Việt Trì 02 dự án với diện tích 4,81 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,52 héc ta và diện tích các loại đất khác 2,29 héc ta.

- Thị xã Phú Thọ 04 dự án với diện tích 39,83 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 20,63 héc ta và diện tích các loại đất khác 19,20 héc ta.

- Huyện Lâm Thao 07 dự án với diện tích 2,50 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,88 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,62 héc ta.

- Huyện Phù Ninh 02 dự án với diện tích 12,15 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,04 héc ta và diện tích các loại đất khác 9,11 héc ta.

- Huyện Đoan Hùng 06 dự án với diện tích 24,59 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 17,85 héc ta và diện tích các loại đất khác 6,74 héc ta.

- Huyện Hạ Hoà 19 dự án với diện tích 21,98 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 7,59 héc ta và diện tích các loại đất khác 14,39 héc ta.

- Huyện Cẩm Khê 04 dự án với diện tích 19,17 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 10,12 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 2,50 héc ta và diện tích các loại đất khác 6,55 héc ta.

- Huyện Yên Lập 08 dự án với diện tích 8,40 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 4,45 héc ta và diện tích các loại đất khác 3,95 héc ta.

- Huyện Tam Nông 03 dự án với diện tích 0,50 héc ta đất khác.

- Huyện Thanh Thủy 09 dự án với diện tích 28,40 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 13,96 héc ta và diện tích các loại đất khác 14,44 héc ta.

- Huyện Tân Sơn 03 dự án với diện tích 2,70 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,90 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,80 héc ta.

- Các dự án xây dựng công trình điện trên địa bàn các huyện, thành, thị là 30 dự án với diện tích 7,03 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,38 héc ta và diện tích các loại đất khác 4,65 héc ta).

(Chi tiết có các biểu số 01 và biểu số 1.1 đến 1.12 kèm theo).

Điều 2. Thông qua các dự án chuyển tiếp từ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tổng cộng 96 dự án với tổng diện tích 276,719 héc ta (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 94,936 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 14,554 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 3 héc ta và diện tích các loại đất khác là 164,229 héc ta) để tiếp tục thực hiện.

(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo)

Điều 3. Thông qua danh mục các dự án, công trình điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, địa bàn thực hiện và tên dự án, công trình tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực là 37 dự án phải điều chỉnh bổ sung với diện tích 174,62 héc ta (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 71,02 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 33,32 héc ta và diện tích các loại đất khác 70,28 héc ta), gồm:

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020: 03 dự án với diện tích 12,83 héc ta (diện tích đất trồng lúa 8,16 héc ta; diện tích các loại đất khác 4,67 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021: 02 dự án với diện tích 1 héc ta đất khác.

- Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021: 02 dự án với diện tích 4,37 héc ta (diện tích đất trồng lúa 0,57 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 2 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,8 héc ta).

- Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021: 08 dự án với diện tích 128,04 héc ta (diện tích đất trồng lúa 54,54 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 28,61 héc ta; diện tích các loại đất khác 44,89 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022: 06 dự án với diện tích 5,02 héc ta (diện tích đất trồng lúa 2,47 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 1,29 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,26 héc ta).

- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022: 03 dự án với diện tích 1,25 héc ta (diện tích đất trồng lúa 0,2 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,05 héc ta).

- Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022: 12 dự án với diện tích 20,26 héc ta (diện tích đất trồng lúa 4,78 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 1,42 héc ta; diện tích các loại đất khác 14,06 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023: 01 dự án với diện tích 1,85 héc ta (diện tích đất trồng lúa 0,3 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,55 héc ta).

(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo)

Điều 4. Thông qua danh mục các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ là 02 dự án với tổng diện tích 85,62 héc ta (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 39,18 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 19,35 héc ta và diện tích các loại đất khác 27,09 héc ta).

(Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND, VPCP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu